

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 05-2026

Chuyên viên Phân tích

Mai Trung Nghĩa Email: ngiamt@vikkibanks.vn

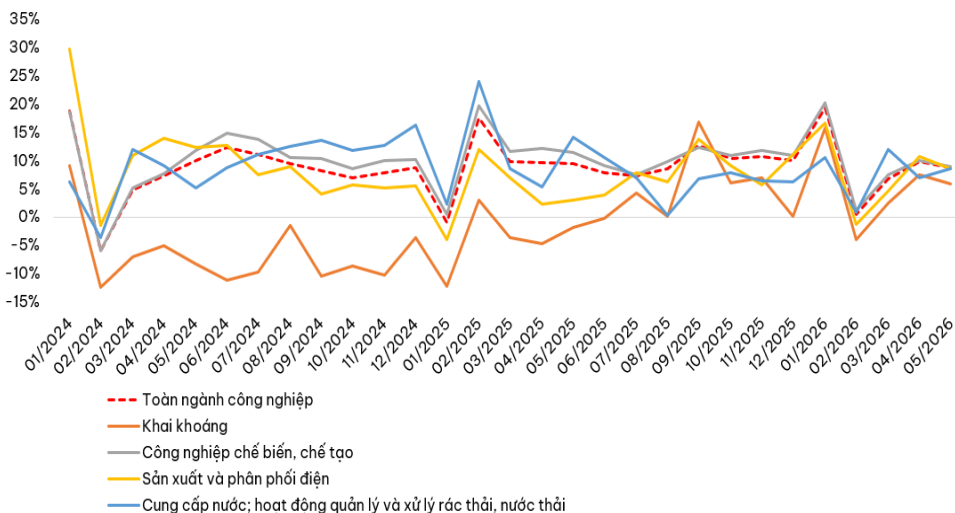
Nhân viên Phân tích

Tạ Thanh Hoàn Như Email: nhutth@vikkibanks.vn

TÓM TẮT SỰ KIỆN

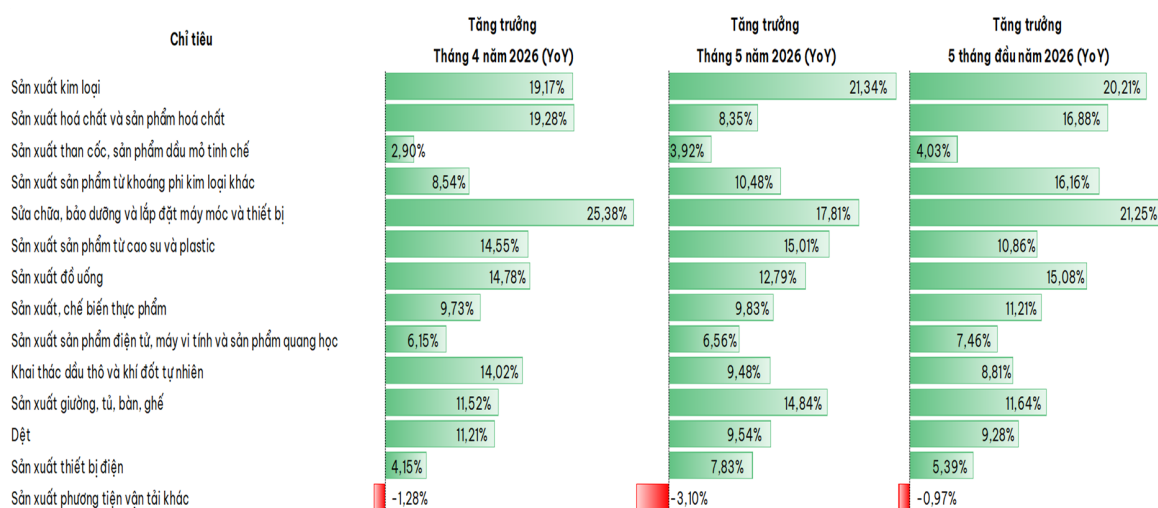
Chủ đề	Sự kiện/Chỉ tiêu	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô Việt Nam	MSCI công bố kết quả phân hạng thị trường 2026	MSCI sẽ công bố kết quả đánh giá phân hạng thị trường trong tháng 6, với kỳ vọng Việt Nam được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng. Đây được xem là bước tiến quan trọng trong lộ trình nâng hạng lên thị trường mới nổi, góp phần nâng cao sức hấp dẫn của thị trường và hỗ trợ thu hút dòng vốn ngoại trong những năm tới.	Tích cực
	Chỉ số PMI cải thiện	Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tăng lên 52,8 điểm trong tháng 5 từ mức 50,5 điểm của tháng trước, đạt mức cao nhất kể từ tháng 2. Đà cải thiện chủ yếu đến từ sự gia tăng của đơn hàng mới khi khách hàng đẩy mạnh tích trữ hàng tồn kho trước lo ngại gián đoạn chuỗi cung ứng do căng thẳng tại Trung Đông, đồng thời thúc đẩy các doanh nghiệp gia tăng mua nguyên vật liệu và mở rộng hoạt động sản xuất.	Tích cực
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2026 tăng 0,29% so với tháng trước, nâng mức tăng bình quân 5 tháng đầu năm lên 4,31% YoY. Mặc dù tốc độ tăng lạm phát đã phần nào hạ nhiệt so với tháng 4 nhờ giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm, đà tăng của nhóm nhà ở, điện nước và giao thông vẫn duy trì mặt bằng giá ở mức cao. Điều này cho thấy áp lực lạm phát vẫn hiện hữu và có thể hạn chế dự địa nới lỏng chính sách tiền tệ trong thời gian tới.	Trung lập
	Sức hút FDI tiếp tục được củng cố	Dòng vốn FDI duy trì đà tăng trưởng tích cực khi tổng vốn đăng ký trong 5 tháng đầu năm 2026 đạt 24,8 tỷ USD (+34,9% YoY), trong khi vốn giải ngân đạt 9,75 tỷ USD (+9,6% YoY), mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Đáng chú ý, phần lớn dòng vốn tập trung vào ngành chế biến chế tạo, qua đó củng cố vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng khu vực và hỗ trợ triển vọng tăng trưởng sản xuất trong thời gian tới.	Tích cực
Vĩ mô thế giới	Chiến sự tại Trung Đông	Rủi ro địa chính trị tại Trung Đông vẫn hiện hữu khi Hezbollah vừa từ chối thỏa thuận ngừng bắn với Israel và Iran phát tín hiệu có thể can thiệp trực tiếp. Diễn biến này làm gia tăng nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng và duy trì áp lực lên giá dầu - kinh tế thế giới.	Tiêu cực

Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)



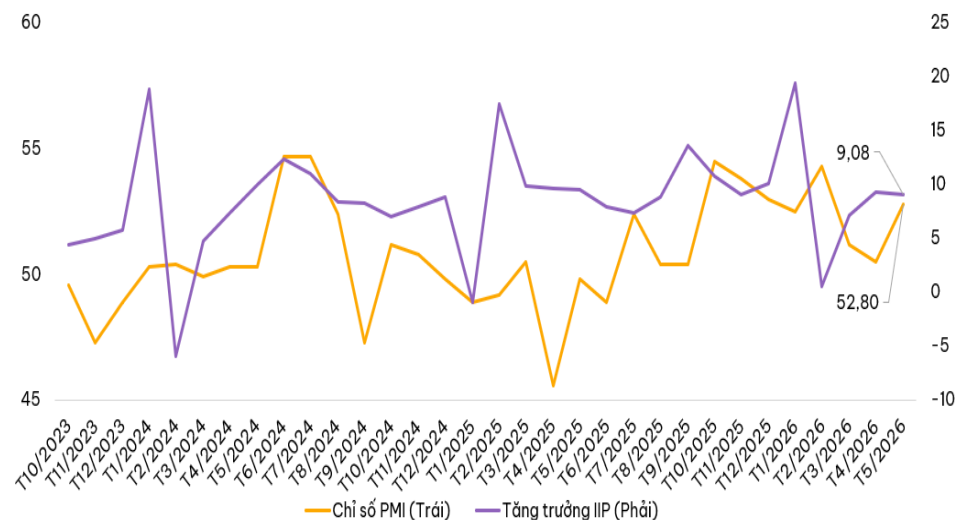
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

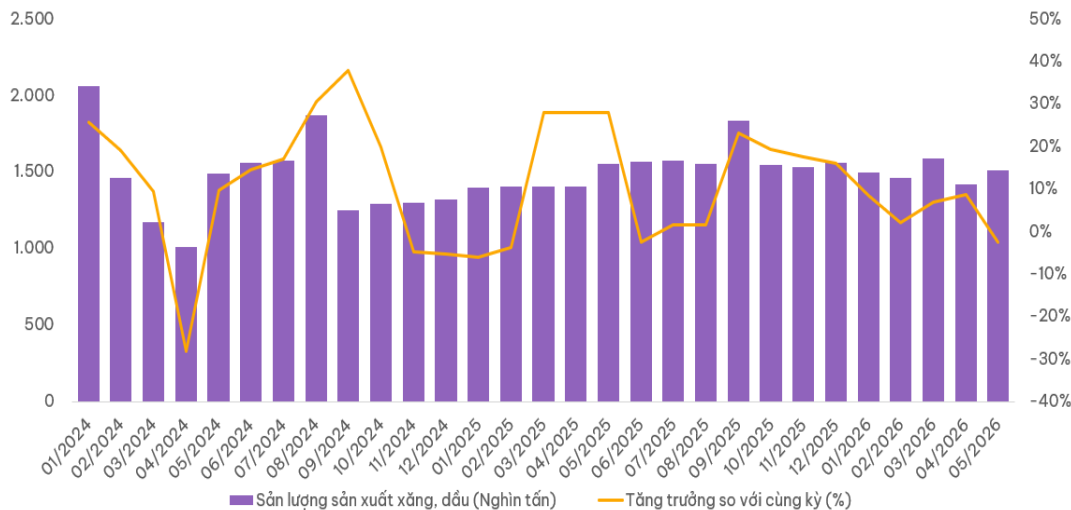
Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

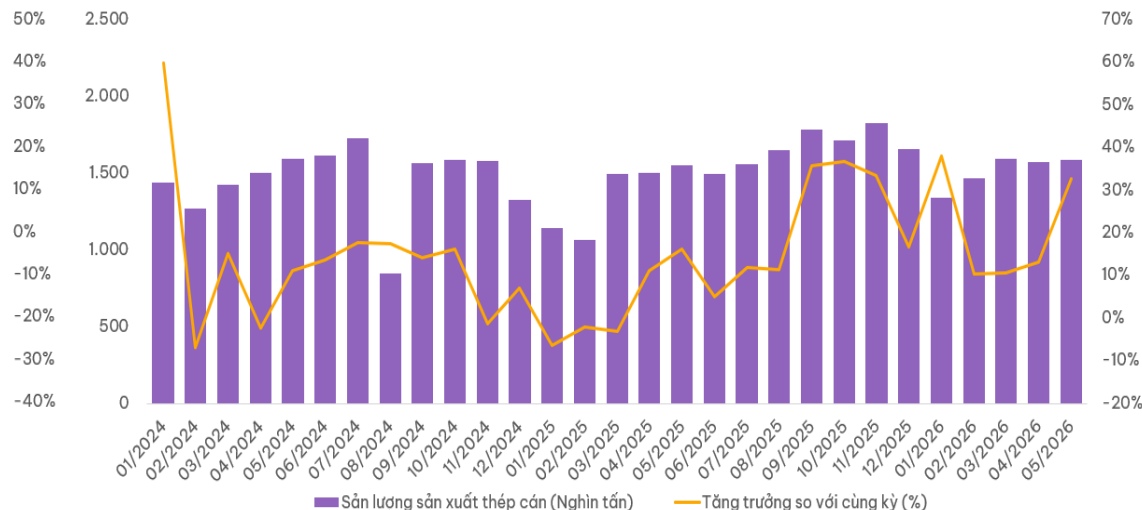
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 05/2026 ước tăng 3,3% so với tháng trước và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2026, IIP ước tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 8,8%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5% (cùng kỳ năm 2025 tăng 10,9%), đóng góp 7,4 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành khai khoáng tăng 5,5% (cùng kỳ năm 2025 giảm 4,1%), đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,6% (cùng kỳ năm 2025 tăng 4,2%), đóng góp 0,7 điểm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,5% (cùng kỳ năm 2025 tăng 10,8%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 5/2026 tăng từ mức 50,5 điểm của tháng 4 lên mức 52,8 điểm, và đạt mức cao nhất kể từ tháng 2, là tháng ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh ở Trung Đông. Sau khi giảm nhẹ trong tháng 4, số lượng đơn đặt hàng mới tăng trở lại trong tháng 5, với mức tăng là đáng kể và đạt mức độ cao nhất trong ba tháng phản ánh việc tăng hàng tồn kho của các khách hàng do cuộc chiến tranh Trung Đông khiến giá cả tăng mạnh và chuỗi cung ứng bị chậm trễ. Trong bối cảnh đó, giá xăng - dầu, nguyên liệu và vận tải là nguyên nhân chính khiến tốc độ tăng chi phí đầu vào tiếp tục gia tăng vào giữa quý 2, và đây là lần gia tăng thứ tư liên tiếp và trở thành mức nhanh nhất kể từ tháng 4/2011.

Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)



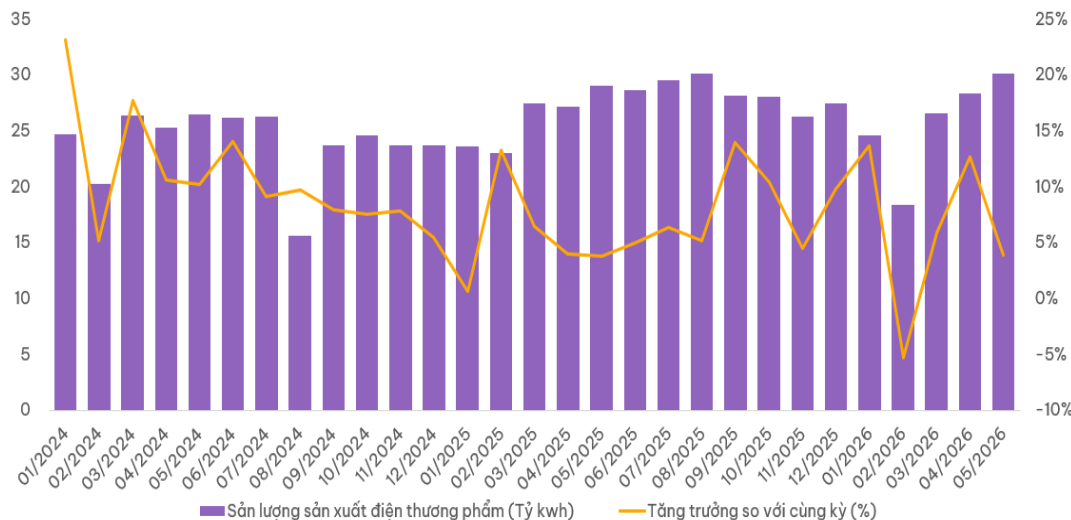
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)



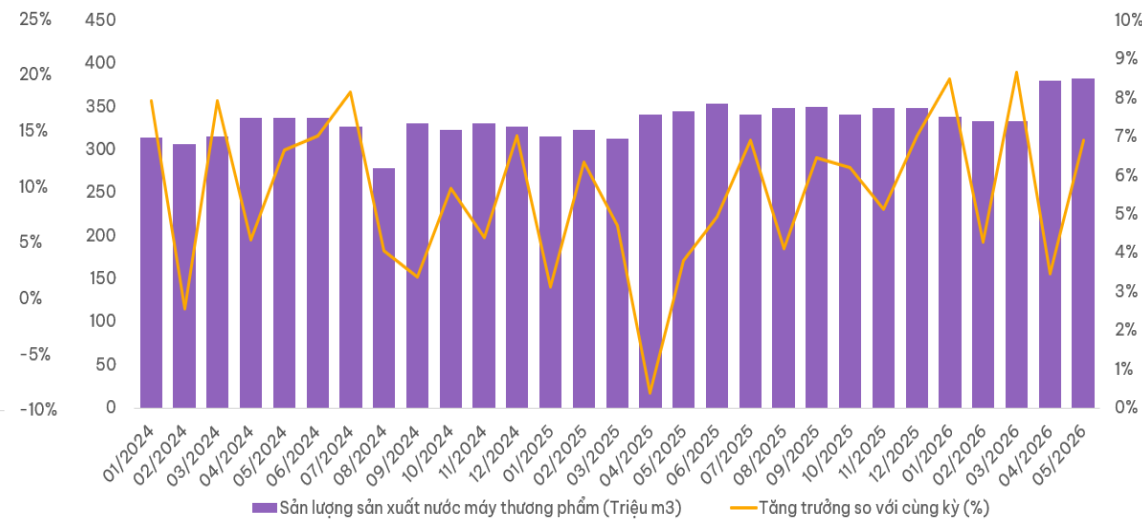
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)



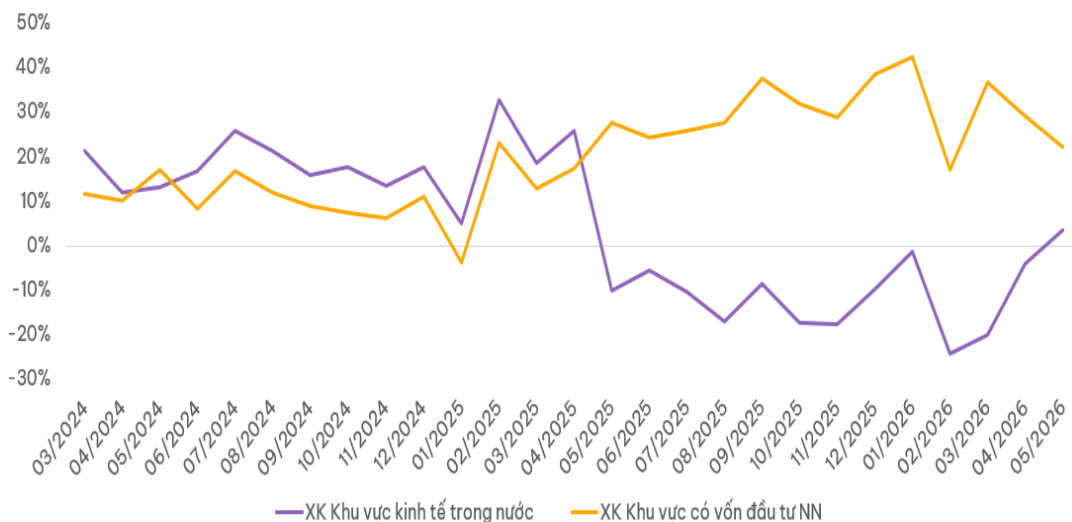
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)



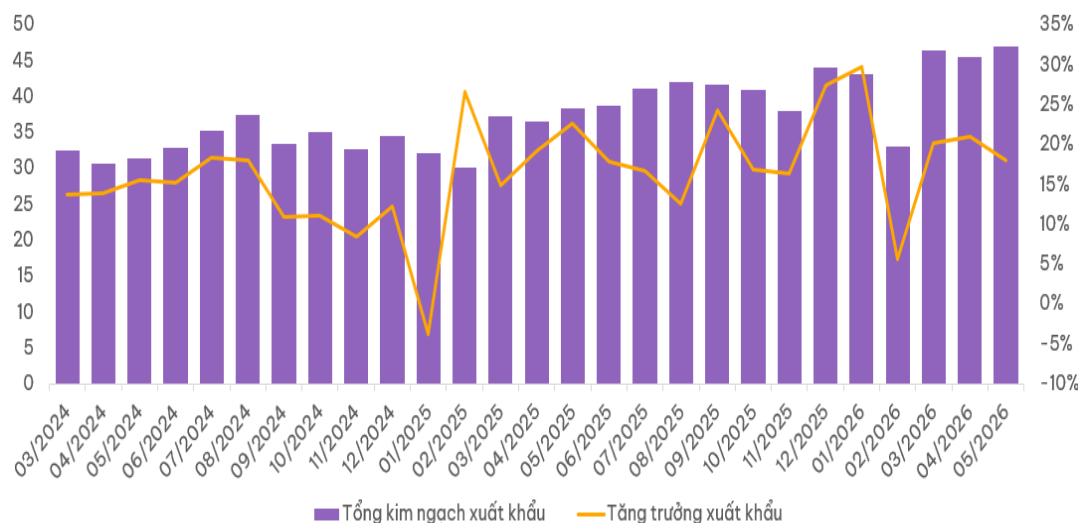
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)



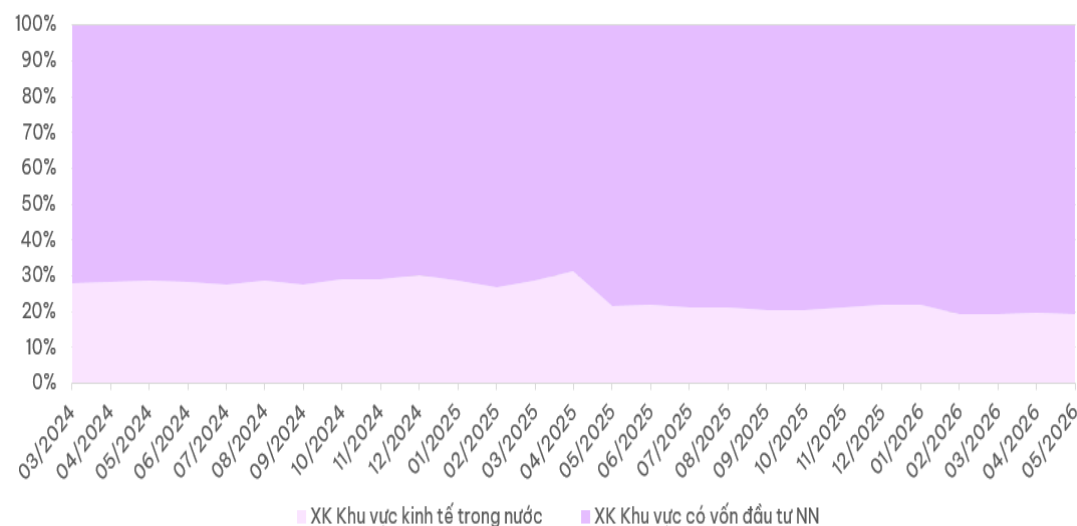
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

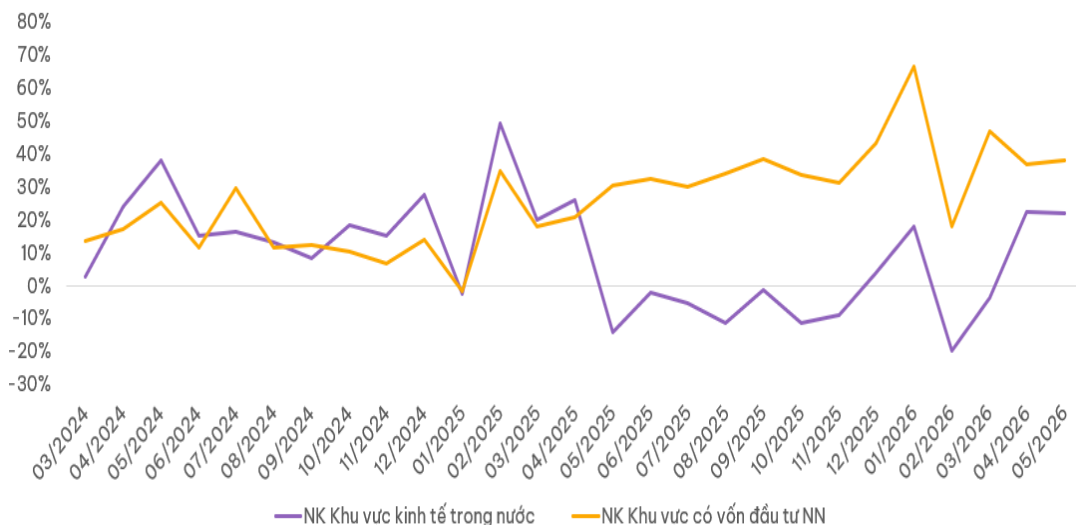
Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

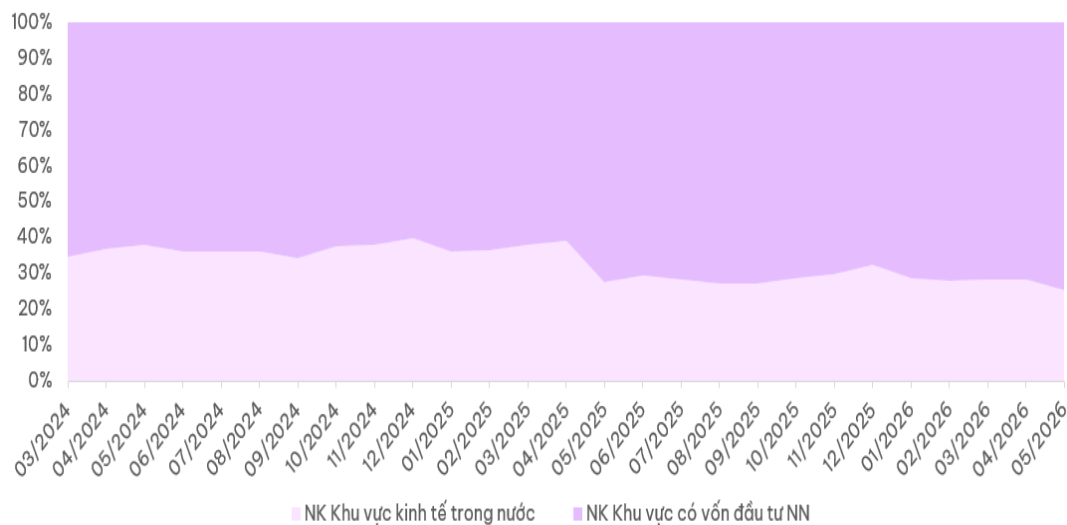
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T5/2026 ước đạt 46,93 tỷ USD, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,05 tỷ USD, giảm 4,1% (YoY); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,88 tỷ USD, tăng 3,6% (YoY).
- Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 215,66 tỷ USD, tăng 19,5% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 5 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+46,2% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+22,1% YoY); Điện thoại các loại và linh kiện (+17,7% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 24,7% với giá trị xuất khẩu đạt 172,16 tỷ USD – chiếm 79,8% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng nhẹ 2,4% với giá trị xuất khẩu đạt 43,5 tỷ USD – chiếm 20,2% tổng kim ngạch.

Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)



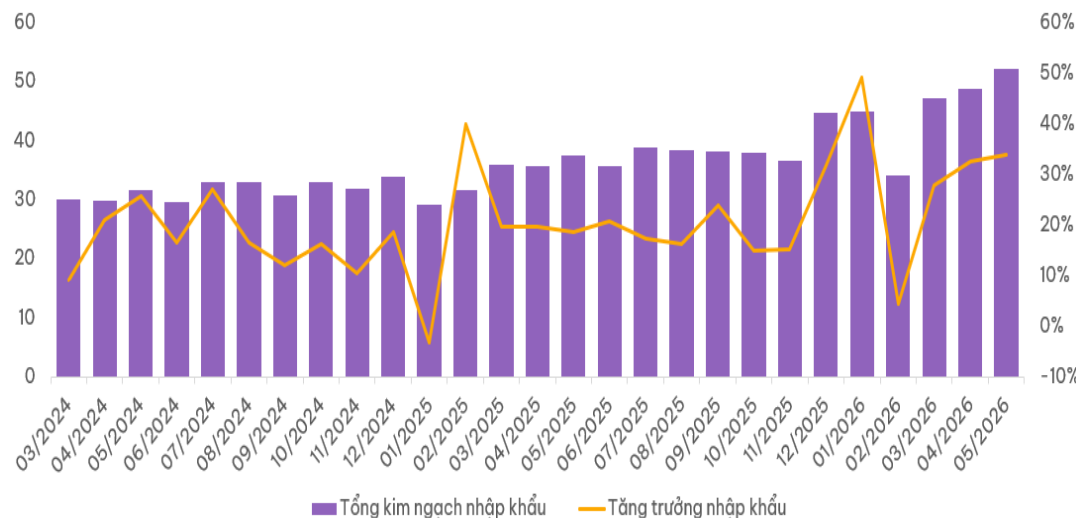
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

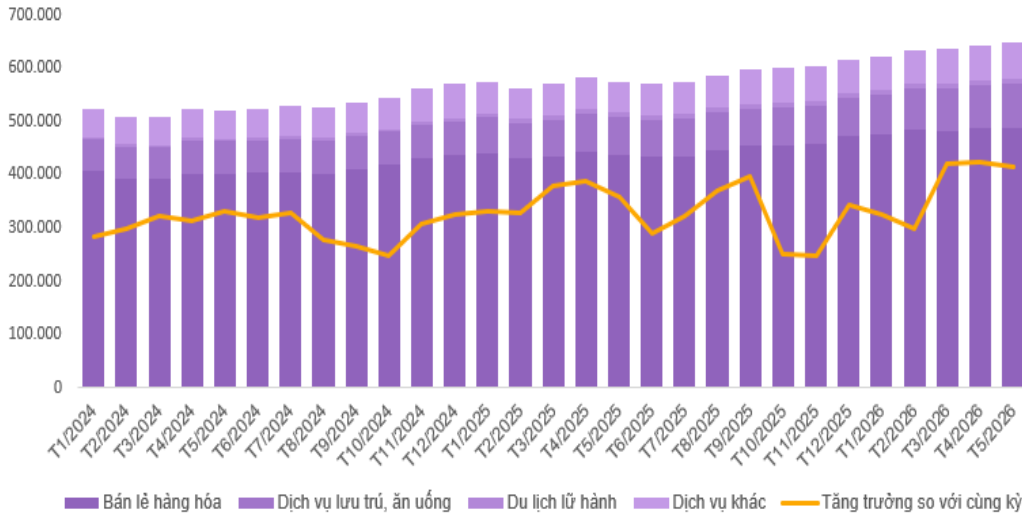
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T5/2026 ước đạt 52,14 tỷ USD, tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 33,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 13,17 tỷ USD, giảm 10,8% (YoY); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 38,97 tỷ USD, tăng 10,7% (YoY).
- Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 229,46 tỷ USD, tăng 30,8% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 5 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+57,1% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+21,6% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 34,3% với giá trị nhập khẩu đạt 165,2 tỷ USD – chiếm 74,7% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng 22,7% với giá trị nhập khẩu đạt 64,26 tỷ USD – chiếm 25,3% tổng kim ngạch.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 05-2026

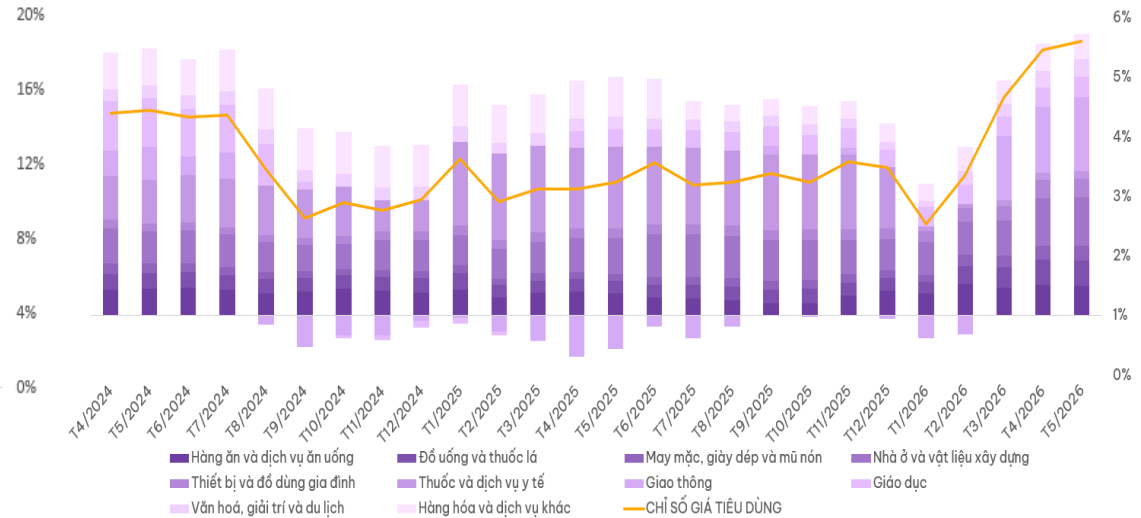
Thứ Hai, 08 Tháng Sáu 2026

Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Năm ước đạt 647,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số nhóm hàng tiếp tục duy trì xu hướng tăng: Gỗ và vật liệu xây dựng tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước; hàng may mặc tăng 7,3%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 5,9%. Một số nhóm hàng thiết yếu có xu hướng chững lại so với các tháng trước: Nhóm hàng xăng, dầu các loại giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước; hàng lương thực, thực phẩm giảm 0,9% và tăng 7,7%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình giảm nhẹ 0,1% và tăng 7,0%. Dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 4,2% so với tháng trước và tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước; du lịch lữ hành tăng 5,4% và tăng 15,4%; các nhóm hàng dịch vụ khác tăng 1,9% và tăng 10,8%.
- Tính chung năm tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.185 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,1%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm tháng đầu năm 2026 ước đạt 2.418,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,9% tổng mức và tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm hàng xăng dầu tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước; hàng may mặc tăng 10,2%; hàng lương thực, thực phẩm tăng 9,6%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 7,5%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 5,6% và nhóm hàng hóa khác tăng 17,6%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Quảng Ninh tăng 12,9%; Đà Nẵng tăng 12,7%; Đồng Nai tăng 11,4%; Cần Thơ tăng 11,2%; Hà Nội tăng 11,1%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 10,9%.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm tháng đầu năm 2026 ước đạt 400,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,6% tổng mức và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu năm tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: An Giang tăng 24,4%; Ninh Bình tăng 19,2%; Đà Nẵng tăng 18,9%; Huế tăng 18,6%; Quảng Ninh tăng 18,5%; Hải Phòng tăng 14,6%; Cần Thơ tăng 13,1%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 10,3%; Hà Nội tăng 9,2%.
- Doanh thu du lịch lữ hành năm tháng đầu năm 2026 ước đạt 40,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng mức và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước nhờ sự kết hợp giữa chính sách thị thực tối ưu, các chiến dịch quảng bá, kích cầu hiệu quả và chất lượng dịch vụ du lịch ngày càng cao đã thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Doanh thu năm tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Khánh Hòa tăng 33,8%; Quảng Ninh tăng 25,4%; Quảng Ngãi tăng 23,3%; Huế tăng 18,7%; Hải Phòng tăng 15,6%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2026 tăng 0,29% so với tháng trước chủ yếu do giá điện, nước sinh hoạt tăng cùng với nhu cầu sử dụng cao trong thời tiết nắng nóng, giá vật liệu xây dựng, nhà ở thuê, giá xăng tăng. CPI tháng Năm tăng 3,61% so với tháng 12/2025 và tăng 5,60% so với cùng kỳ năm trước. CPI. Tính chung năm tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,31% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,04%. Trong mức tăng 0,29% của CPI tháng 5/2026 so với tháng trước có 10 nhóm hàng tăng giá, riêng chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm. Cụ thể, 10 nhóm hàng tăng giá như sau:

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,96% (tác động làm tăng CPI chung 0,22 điểm phần trăm), chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau: Giá thuê nhà tăng 0,71%, trong đó, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,69%; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,81%; giá điện sinh hoạt tăng 2,38%; nước sinh hoạt tăng 1,41%. Ở chiều ngược lại, giá gas giảm 1,50% theo giá thế giới, tác động làm giảm CPI chung 0,02 điểm phần trăm.

- Nhóm giao thông tăng 0,83% (tác động làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm), chủ yếu do: Chỉ số giá xăng tăng 2,12%; chỉ số giá nhóm phụ tùng tăng 0,32%; chỉ số giá nhóm bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,59%; phí học bằng lái xe tăng 0,82%; phí cầu đường tăng 0,68%; dịch vụ thuê ô tô, xe máy tự lái tăng 0,46%; dịch vụ trông giữ xe tăng 0,07%. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng và dịch vụ giao thông có giá giảm: Chỉ số giá dầu diezen giảm 16,42%; chỉ số giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 1,47%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,48%, chủ yếu tăng ở những dịch vụ sau: Giá nhóm du lịch trọn gói tăng 1,19% (du lịch trong nước tăng 1,35%; du lịch ngoài nước tăng 0,27%) do chi phí tổ chức tour tăng, đặc biệt là chi phí di chuyển, lưu trú và dịch vụ du lịch; chụp, in tráng ảnh tăng 1,0%; khách sạn, nhà khách tăng 0,66%; dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 0,60%; dịch vụ thể thao tăng 0,23%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,21% do chi phí nhập khẩu, sản xuất và phân phối tăng. Trong đó, chỉ số giá nước quả ép tăng 0,44% so với tháng trước; nước tăng lực đóng chai tăng 0,09%; thuốc lá tăng 0,47%; rượu bia các loại tăng 0,18%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,17% do chi phí nguyên vật liệu, nhân công và vận chuyển tăng. Trong đó, một số mặt hàng có mức giá tăng: Giá đèn điện thấp sáng tăng 0,51%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,50%; quạt điện tăng 0,35%; sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,31%; bếp gas tăng 0,30%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,27%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,23%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ tăng 0,22%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,17%; tủ lạnh tăng 0,18%. Ở chiều ngược lại, giá bình nước nóng nhà tắm giảm 0,46%; máy xay sinh tố, ép hoa quả giảm 0,45%; máy đánh trứng giảm 0,24% do một số hãng áp dụng chương trình khuyến mại.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,14%, chủ yếu do chỉ số giá dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,39%; vật dụng và dịch vụ hiếu hỉ tăng 0,19%. Ở chiều ngược lại, nhóm đồ trang sức giảm 2,58% theo giá vàng trong nước.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,13% do chi phí nguyên vật liệu, vận chuyển và nhân công tăng. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ giày dép tăng 0,62%; dịch vụ may mặc tăng 0,33%; vải các loại tăng 0,28%; giày dép tăng 0,30%; mũ nón tăng 0,17%; may mặc khác và quần áo may sẵn cùng tăng 0,06%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,10% do chỉ số giá nhóm thuốc các loại tăng 0,32%, chủ yếu do thời tiết nắng nóng, nhu cầu sử dụng thuốc tăng. Cụ thể, giá nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt tăng 0,64%; thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,42%; hoóc môn và thuốc tác động vào hệ nội tiết tăng 0,39%; thuốc chống dị ứng tăng 0,38%; vitamin và khoáng chất tăng 0,34%; thuốc tim mạch tăng 0,33%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,31%.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,04%, trong đó, giá thiết bị âm thanh tăng 0,81%; máy điện thoại di động thông thường tăng 0,41%; máy vi tính và phụ kiện tăng 0,37%; dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,26%; máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,19%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,03%.

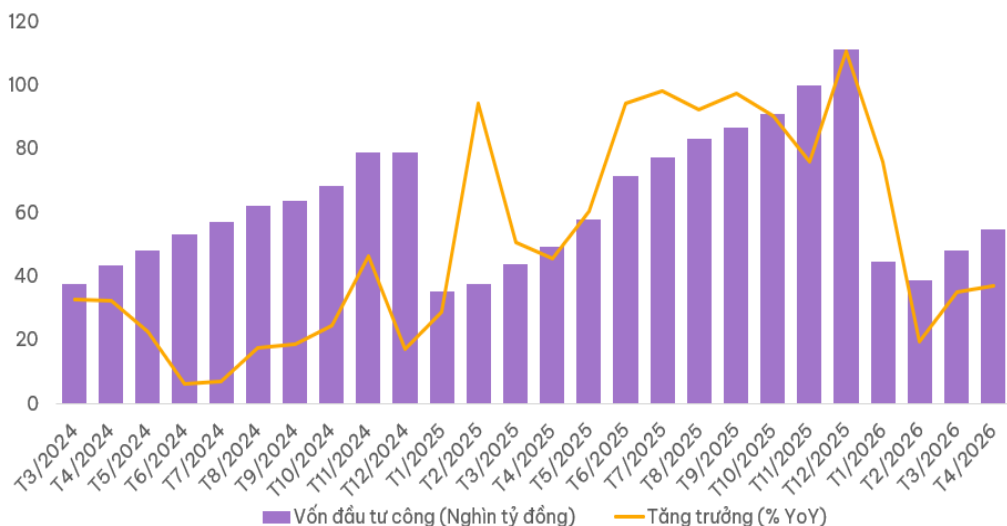
- Nhóm giáo dục tăng 0,03%, chủ yếu do giá bút viết các loại tăng 0,40%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,36%; sản phẩm từ giấy tăng 0,17%.

- Riêng nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,14% (tác động làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm), trong đó: Lương thực giảm 0,68%; thực phẩm giảm 0,25% (tác động giảm 0,06 điểm phần trăm); riêng ăn uống ngoài gia đình tăng 0,36%. Nguyên nhân bởi giá gạo trong nước giảm chủ yếu do lúa vụ đông xuân đang được thu hoạch nên nguồn cung dồi dào, theo đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,95% (Gạo tẻ thường giảm 1,07%; gạo tẻ ngon giảm 0,53%; gạo nếp giảm 0,89%; gạo lứt tẻ giảm 0,35%). Ở chiều ngược lại, giá các mặt hàng lương thực khác tăng như: Giá ngũ cốc ăn liền tăng 0,64%; bánh mì tăng 0,49%; ngũ cốc khác tăng 0,43%; mì sợi, mì, phở/cháo ăn liền tăng 0,36%; bột ngô tăng 0,31%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,22%. Chỉ số giá thịt lợn giảm 0,82%; chỉ số giá thủy sản tươi sống giảm 0,63%; trứng các loại giảm 0,44%; thịt gia cầm giảm 0,42%; thịt bò giảm 0,14%; chỉ số giá quả tươi, chế biến giảm 1,41%. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng tăng giá như: Chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến tăng 1,36%; chỉ số giá sữa, bơ, phô mai tăng 0,37%; nước mắm, nước chấm tăng 0,34%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,15%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,12%; đồ gia vị tăng 0,05%. Cùng với chi phí nguyên liệu đầu vào tăng cùng với chi phí nhân công, thuê mặt bằng và vận hành tăng. Trong đó, chỉ số giá ăn ngoài gia đình tăng 0,32%; uống ngoài gia đình tăng 0,48%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,52%.

- Tính chung năm tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,31% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng cao nhất với 6,64% (tác động làm CPI chung tăng 1,51 điểm phần trăm); giao thông tăng 5,22% (làm CPI chung tăng 0,52 điểm phần trăm); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,77% (tác động làm CPI chung tăng 1,71 điểm phần trăm); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,96%; đồ uống và thuốc lá tăng 3,38% (làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm); giáo dục tăng 3,28% (làm CPI chung tăng 0,20 điểm phần trăm); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,53% (làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm); văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,22% (tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,91% (tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm); thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,99%; riêng thông tin và truyền thông giảm 0,06%.

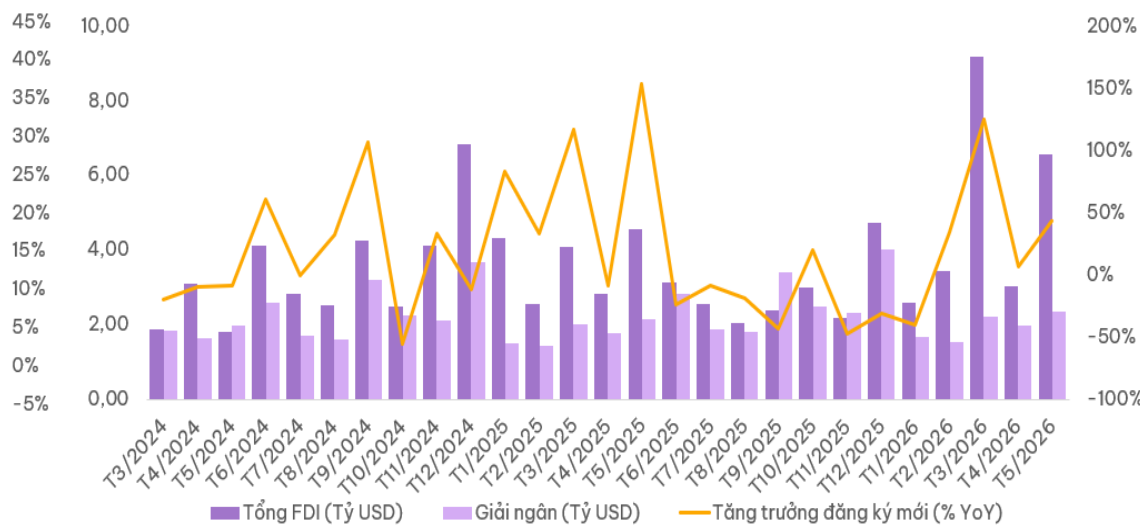
• Lạm phát cơ bản tháng 5/2026 tăng 0,34% so với tháng trước và tăng 4,67% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân bốn tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,31% của CPI bình quân chung do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

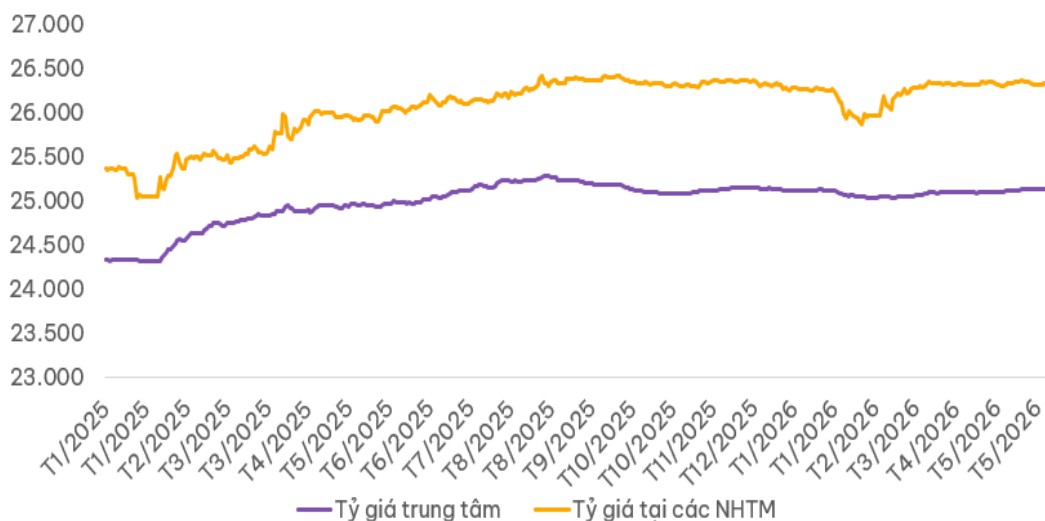
Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

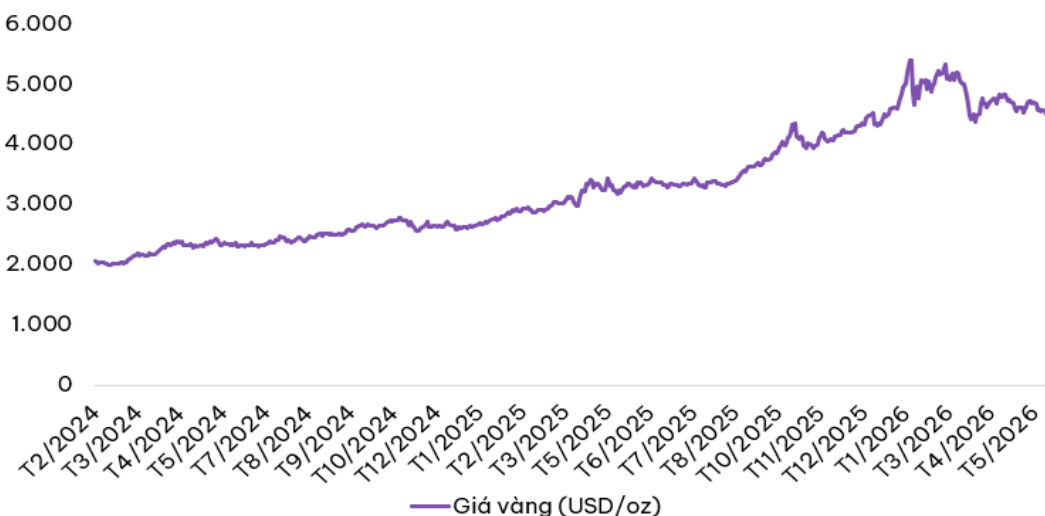
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5/2026 ước đạt gần 65 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước. Theo cấp quản lý, vốn Trung ương quản lý đạt gần 10,2 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4%; vốn địa phương quản lý đạt 54,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9%. Tính chung năm tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 254,1 nghìn tỷ đồng, bằng 24,0% kế hoạch năm và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 22,5% và tăng 21,1%).
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/5/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 24,81 tỷ USD, tăng 34,9% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký cấp mới có 1.576 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 14,84 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và gấp 2,1 lần về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 9,64 tỷ USD, chiếm 65,0% tổng vốn đăng ký cấp mới; sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 2,45 tỷ USD, chiếm 16,5%; các ngành còn lại đạt 2,75 tỷ USD, chiếm 18,5%.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm tháng đầu năm 2026 ước đạt 9,75 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của năm tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 8,06 tỷ USD, chiếm 82,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 716,5 triệu USD, chiếm 7,3%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 356,6 triệu USD, chiếm 3,7%.

Hình 18: Tỷ giá USD/VND



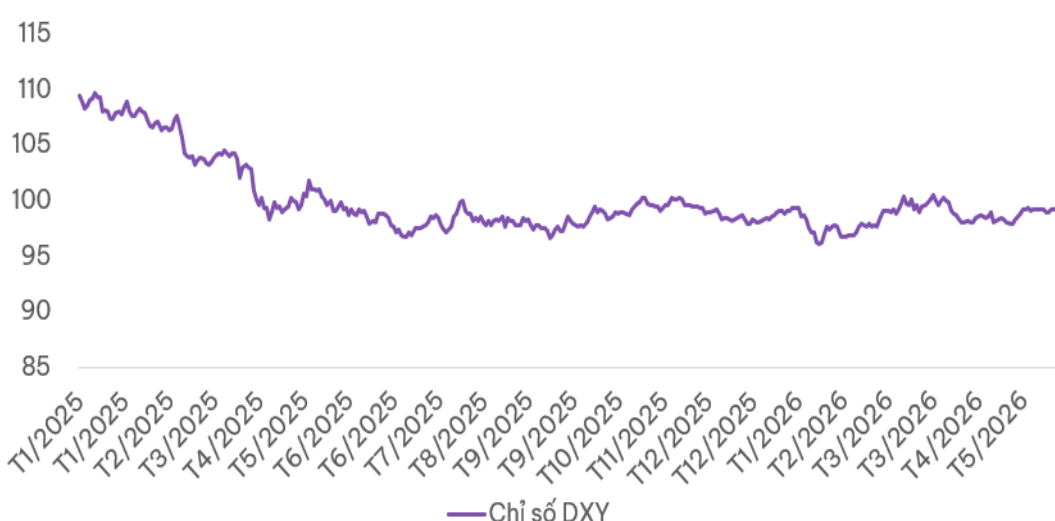
Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 20: Giá vàng thế giới



Nguồn: VikkiBankS Research

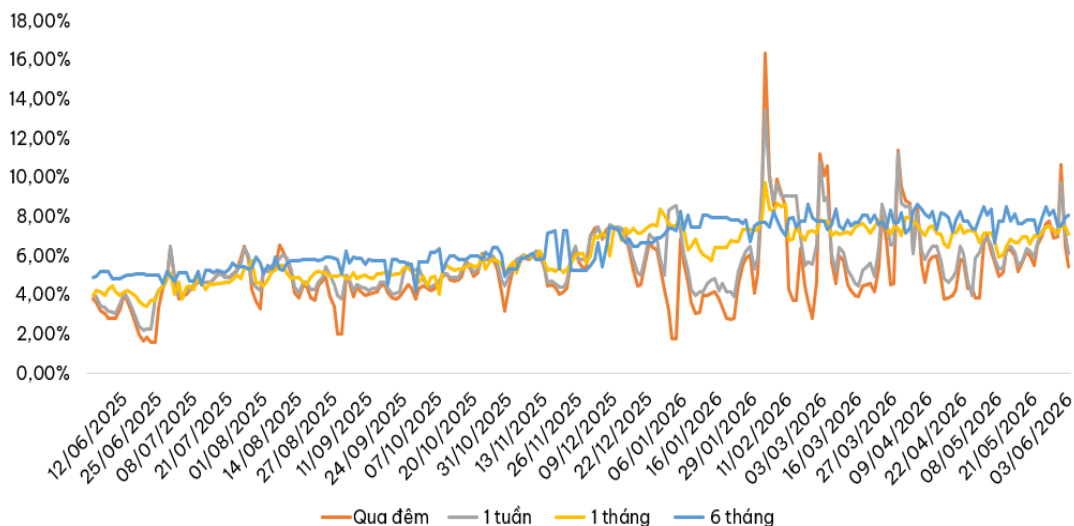
Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: VikkiBankS Research

- Tính đến ngày 27/5/2026, chỉ số DXY trên thị trường quốc tế bình quân tháng Năm đạt mức 98,62 điểm, giảm nhẹ 0,01 điểm so với tháng Tư do thị trường kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) có thể giảm lãi suất trong thời gian tới. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 26.375 VND/USD.
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 27/5/2026, bình quân tháng Năm, giá vàng thế giới ở mức 4.619,18 USD/ounce, giảm 2,40% so với tháng Tư. Trong tháng Năm, giá vàng thế giới giảm do hoạt động chốt lời sau thời gian tăng mạnh trước đó và tâm lý thị trường ổn định hơn, làm giảm nhu cầu nắm giữ tài sản trú ẩn an toàn. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng Năm giảm 4,11% so với tháng trước, chủ yếu do giá vàng được các doanh nghiệp kinh doanh điều chỉnh giảm theo giá vàng thế giới. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá vàng tăng 33,87%; so với tháng 12/2025 tăng 6,27%; bình quân năm tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 65,97%.

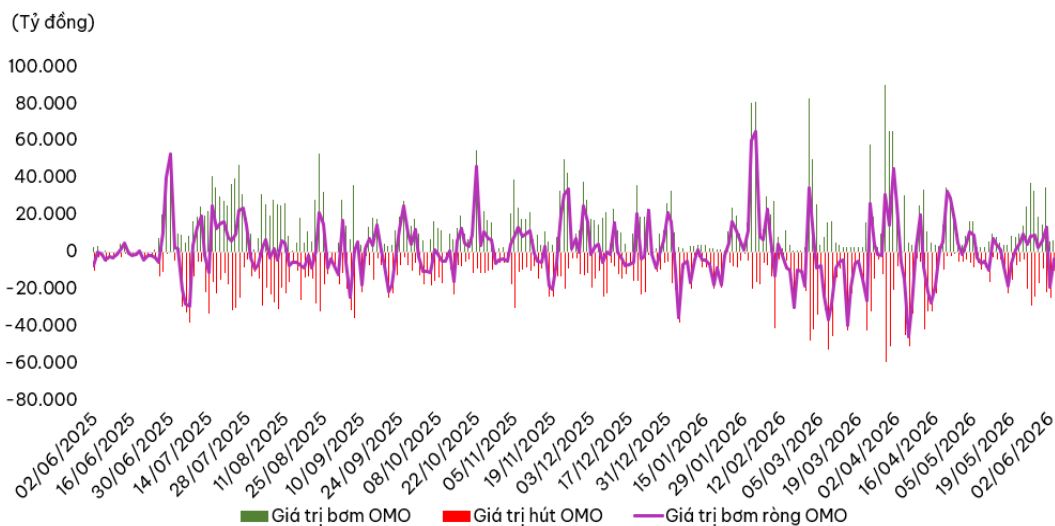
Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: VikkiBankS Research

- Sau giai đoạn tăng mạnh và thiết lập đỉnh ngắn hạn vào cuối tháng 3 – đầu tháng 4/2026, lãi suất liên ngân hàng đã bước vào xu hướng hạ nhiệt, phản ánh áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng dần được cải thiện. Bước sang tháng 5, mặt bằng lãi suất ghi nhận sự phục hồi nhẹ và dao động chủ yếu trong vùng 5-8% ở hầu hết các kỳ hạn. Diễn biến đồng thuận giữa các kỳ hạn cho thấy cung – cầu vốn ngắn hạn đang được cân bằng hơn, trong khi nhu cầu vay mượn giữa các tổ chức tín dụng không còn ở trạng thái căng thẳng như giai đoạn đầu quý 1/2026. Mặc dù vẫn xuất hiện một số nhịp tăng mang tính kỹ thuật trong ngắn hạn, xu hướng chung của thanh khoản hệ thống hiện vẫn duy trì ổn định. Trong bối cảnh áp lực từ tỷ giá và các yếu tố khác không đổi, lãi suất liên ngân hàng được kỳ vọng sẽ tiếp tục vận động quanh vùng hiện tại, qua đó hỗ trợ chi phí vốn và góp phần củng cố tâm lý trên thị trường tài chính.
- Trong tháng 5/2026, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành thị trường mở (OMO) theo hướng linh hoạt và chủ động, với các hoạt động bơm – hút vốn được triển khai đan xen nhằm duy trì trạng thái thanh khoản ổn định cho hệ thống. Các đợt bơm ròng được thực hiện kịp thời trong những thời điểm thanh khoản có dấu hiệu thu hẹp, góp phần hạn chế biến động quá mức của lãi suất liên ngân hàng. Song song đó, hoạt động hút tiền vẫn được duy trì nhằm trung hòa lượng vốn dư thừa và kiểm soát áp lực lạm phát. Nhìn chung, OMO tiếp tục phát huy vai trò là công cụ điều tiết thanh khoản hiệu quả, giúp ổn định mặt bằng lãi suất và đảm bảo sự thông suốt của thị trường tiền tệ, dù chưa phát đi tín hiệu rõ nét về một chu kỳ nới lỏng chính sách tiền tệ mới.

Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)

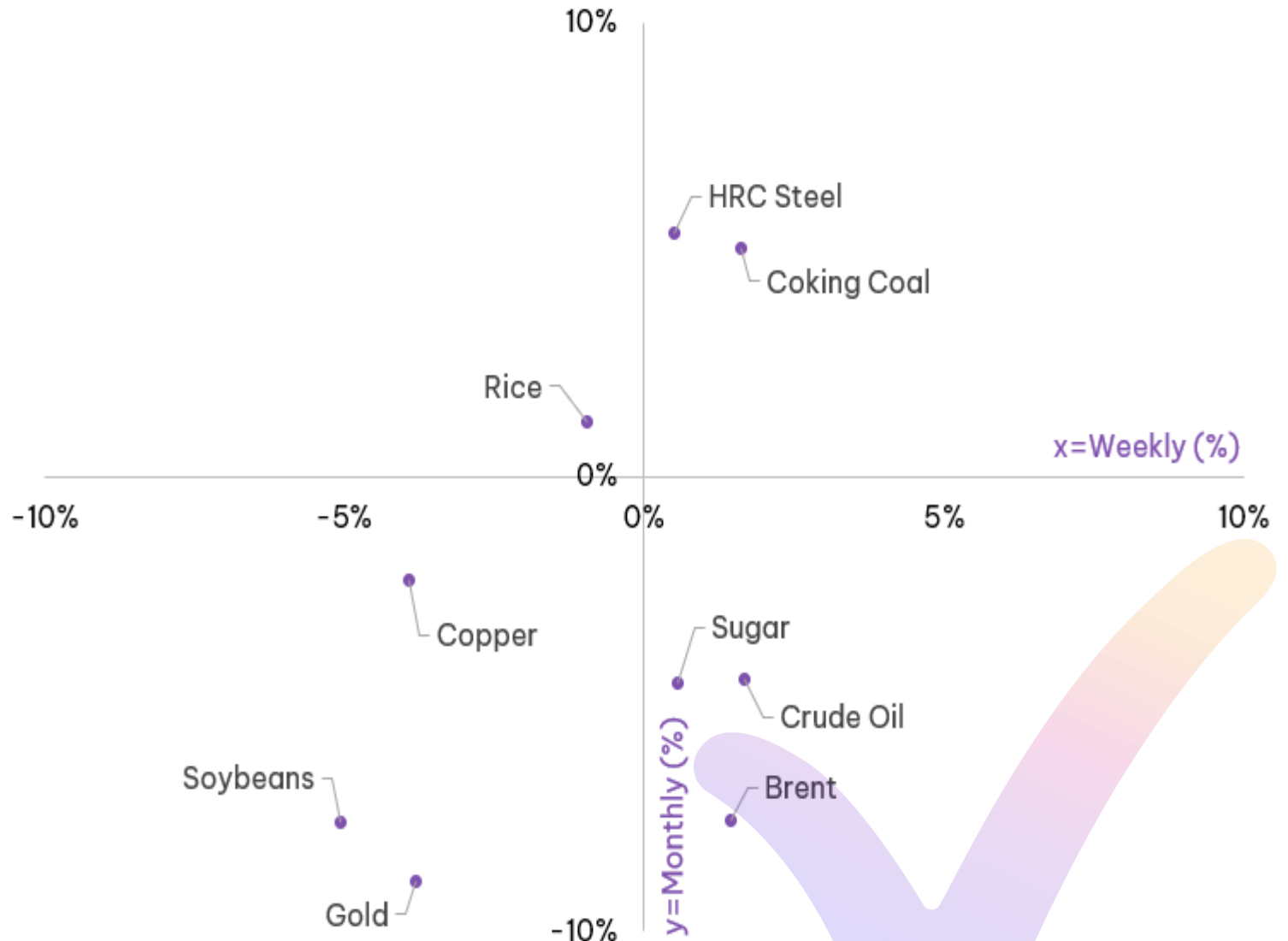


Nguồn: VikkiBankS Research

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 05-2026

Thứ Hai, 08 Tháng Sáu 2026

Name	Price	YoY
Crude Oil (USD/bbl)	93,70	43,51%
Brent (USD/bbl)	96,34	43,71%
Coking Coal (USD/t)	249,00	39,11%
Gold (USD/t.oz)	4.315,27	29,75%
Silver (USD/t.oz)	67,60	83,90%
Copper (USD/lbs)	6,27	28,36%
HRC Steel (USD/t)	1.196,00	36,22%
Sugar (USD/lbs)	14,14	-14,36%
Soybeans (USD/bu)	1.121,04	6,16%
Coffee (USD/lbs)	246,50	-31,05%
Rice (USD/cwt)	12,38	-9,09%



Nguồn: Tradingeconomics, VikkiBankS Research

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.